

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2017

V/v tranh chấp “Yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: đường A, tổ B, thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Trung, sinh năm 1966.

Địa chỉ: đường A, tổ B, thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông T vắng mặt, bà K xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị K trình bày:

Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Quang T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đăng ký kết hôn ngày 04/02/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng 10 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo chí thú làm ăn mà chỉ lo bài bạc, nhậu nhẹt say sưa, ngoại tình, không chăm lo cho con cái, đánh đập bà K. Bà K, ông T sống ly thân với nhau hơn một năm nay, bà K về nhà

mẹ ruột của bà K sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Bà K và ông T có 03 người con chung là Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996; Nguyễn Quang D, sinh năm 1998. Các cháu hiện đã trưởng thành, sống tự lập, không phụ thuộc vào cha mẹ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T không đến Tòa án để làm việc.

Xác minh tại địa phương thì ông T có hộ khẩu và hiện đang cư trú tại địa phương. Ông T và bà K sống tại địa phương thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay bà K và ông T không còn sống chung. Chính quyền địa phương không tiến hành hòa giải nhưng về phía tôn giáo có khuyên giúp nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Quang T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà K được ly hôn với ông T nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà K. Về tài sản chung và nợ chung bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà K, ông T có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Ngô Thị K và ông Nguyễn Quang T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đăng ký kết hôn ngày 04/02/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà K yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Quang T là xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Quang T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà K là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo bà K thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn mà bài bạc, nhậu

nhệ, ngoại tình, đánh đập bà K. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà K, Tòa án đã triệu tập ông T để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc. Xác minh tại địa phương thì ông T và bà K sống thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay bà K và ông T không còn sống chung. Chính quyền địa phương không tiến hành hòa giải nhưng về phía tôn giáo có khuyên giúp nhưng không thành. Như vậy giữa bà K và ông T có mâu thuẫn, bà K và ông T sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Ngô Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Bà K và ông T có 03 người con chung là Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996; Nguyễn Quang D, sinh năm 1998. Các cháu đã trưởng thành, sống với ai là tùy nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này ông T, bà K có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà K phải nộp 300.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ngô Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về quan hệ con chung: Bà K và ông T có 03 người con chung là Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996; Nguyễn Quang D, sinh năm 1998. Các cháu đã trưởng thành, sống với ai là tùy nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này ông T, bà K có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Ngô Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0005216 ngày 31/5/2017, bà K đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-11-2017), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà K, ông T vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ

ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan